

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày 22-8-2024
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hoà và bà Phạm Thị Thom.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thế - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Lục Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 87/2024/TLST-HN&GD, ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/08/2024 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bé Thị Y, sinh năm 1992, địa chỉ: Thôn Tr, xã N, huyện C, tỉnh Đ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Ngọc H, sinh năm 1985, địa chỉ: Thôn Th, xã E, huyện C, tỉnh Đ. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Bé Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bé Thị Y kết hôn với anh Bùi Ngọc H năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông. Việc kết hôn do hai bên tự nguyện không bị ai ép buộc gì. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn chị Y phải đi làm ăn xa, vợ chồng không hiểu nhau hay cãi vã lẫn nhau, có lần anh H đánh đập chị Y nên mâu thuẫn xảy ra trầm trọng cuộc sống hôn nhân không đạt được, đến cuối năm 2021 chị Y và anh H đã sống ly thân cho đến nay, nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa. Vì vậy, chị Y yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Y và anh H có 01 con chung là cháu Bùi A N, sinh ngày

15/11/2014. Từ khi ly thân cho đến nay cháu Bùi A N ở với chị Y, vì vậy khi ly hôn chị Y có nguyện vọng được nuôi con đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn anh Bùi Ngọc H. Tuy nhiên bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa lần thứ nhất. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai được với bị đơn, không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Bé Thị Y đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được BLTTDS và các văn bản liên quan quy định. Bị đơn anh Bùi Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và lần 2, phiên tòa lần thứ nhất và lần 2 bị đơn đều vắng mặt không có lý do, tuy nhiên thẩm phán đã tiến hành lập biên bản và làm các thủ tục đúng theo quy định của pháp luật nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bé Thị Y được ly hôn với anh Bùi Ngọc H.

Về con chung: Giao con chung Bùi A N, sinh ngày 15/11/2014 cho chị Bé Thị Y trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đề nghị HĐXX đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Bé Thị Y yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cư Jút giải quyết việc ly hôn với anh Bùi Ngọc H, anh H là bị đơn có nơi cư trú tại thôn Th, xã E, huyện C, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”.

[2] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Tố tụng dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự.

Nguyên đơn chấp hành tốt. Bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt nên tại phiên tòa ngày 02/8/2024 HĐXX đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của BLTTDS. Quyết định hoãn phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bé Thị Y và anh Bùi Ngọc H kết hôn từ năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Y, năm 2014 chị Y và anh H kết hôn. Tuy nhiên, hiện nay quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh H không có khả năng hàn gắn, tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo nội dung biên bản xác minh tại nơi chị Y, anh H sinh sống thì chính quyền không nắm được vợ chồng chị Y và anh H có mâu thuẫn hay không nhưng chị Y và anh H đã sống ly thân cách đây khoảng 02 năm.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị Y là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu ly hôn của chị Y là có cơ sở, cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị Bé Thị Y xin được quyền nuôi dưỡng cháu Bùi A N, sinh ngày 15/11/2014, thể hiện trách nhiệm người mẹ với con cái. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H vắng mặt và không đưa ra quan điểm về con cái. Qua làm việc

với cháu Bùi A N, thì cháu Na có nguyện vọng ở với chị Y. Nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Bùi A N cho chị Y nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu. Tuy nhiên, vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

[3.4] Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bé Thị Y phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 94; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bé Thị Y được ly hôn anh Bùi Ngọc H.

2. *Về con chung:* Giao con chung Bùi A N, sinh ngày 15/11/2014 cho chị Bé Thị Y trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Y, anh H có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Buộc chị Bé Thị Y phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005010, ngày 11 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện Cư Jút;
- UBND xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Hường

